

THÔNG BÁO

V/v: Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa

Căn cứ:

- Biên bản họp của Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro vào ngày 20/10/2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng xin trân trọng thông báo đến Quý khách hàng về việc thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa hiện tại như sau:

1. Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa:

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSĐB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
1	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	79,000	65,300	HOSE
2	ACB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	31,720	26,800	HOSE
3	ACG	CTCP Gỗ An Cường	44,200	39,850	HOSE
4	ACL	CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	16,050	14,150	HOSE
5	ADS	CTCP Damsan	11,000	9,800	HOSE
6	AFX	CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	13,200	12,750	HOSE
7	AGR	CTCP Chứng khoán Agribank	19,400	14,800	HOSE
8	ANV	CTCP Nam Việt	32,050	23,750	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
9	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	7,510	5,970	HOSE
10	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	86,450	78,000	HOSE
11	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	14,700	13,800	HNX
12	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	40,400	40,300	HOSE
13	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	71,500	50,100	HOSE
14	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	86,600	76,700	HOSE
15	BHN	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Hà Nội	38,850	35,250	HOSE
16	BIC	Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31,250	25,200	HOSE
17	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	53,900	44,150	HOSE
18	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kạn	33,430	19,500	HNX
19	BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	13,550	13,400	HOSE
20	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	209,900	182,700	HOSE
21	BRC	CTCP Cao su Bến Thành	15,600	14,950	HOSE
22	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	49,400	34,050	HOSE
23	BTP	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	10,950	8,670	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
24	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	96,000	93,600	HOSE
25	BVS	CTCP chứng khoán Bảo Việt	36,900	34,500	HNX
26	BWE	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	56,000	54,600	HOSE
27	CAP	CTCP Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	59,200	52,300	HNX
28	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô thị Dầu Khí Cửu Long	6,630	3,100	HOSE
29	CHP	CTCP Thủy điện Miền Trung	37,000	34,300	HOSE
30	CLH	CTCP Xi măng La Hiên VVMI	26,600	26,400	HNX
31	CLL	CTCP Cảng Cát Lái	38,850	34,600	HOSE
32	CMG	CTCP tập đoàn công nghệ CMC	38,100	25,700	HOSE
33	CMS	CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam	9,000	6,500	HNX
34	CNG	CTCP CNG Việt Nam	32,500	25,350	HOSE
35	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ	10,450	7,020	HOSE
36	CSC	CTCP Tập đoàn COTANA	19,900	11,300	HNX
37	CST	CTCP Than Cao Sơn - TKV	17,800	15,300	HNX
38	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	35,550	29,900	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
39	CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	101,300	81,100	HOSE
40	CTG	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	46,150	39,800	HOSE
41	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	113,500	88,400	HOSE
42	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	37,750	27,450	HOSE
43	D2D	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	28,750	28,200	HOSE
44	DAT	CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	11,600	10,650	HOSE
45	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	30,400	20,400	HOSE
46	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	60000	46,000	HOSE
47	DC4	CTCP DICERA Holdings	11,900	7,810	HOSE
48	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	58,800	44,050	HOSE
49	DGW	CTCP Thế giới số	60,380	57,900	HOSE
50	DHG	CTCP dược Hậu Giang	131,000	116,000	HOSE
51	DHM	CTCP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	9,410	8,940	HOSE
52	DIH	CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An	12,200	8,500	HNX
53	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	55,600	35,950	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
54	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	34,510	27,550	HOSE
55	DPR	CTCP Cao su Đồng Phú	57,500	47,700	HOSE
56	DRC	CTCP Cao su Đà Nẵng	12,150	12,850	HOSE
57	DRL	CTCP Thủy điện - Điện lực 3	59,400	53,300	HOSE
58	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	17,700	12,500	HOSE
59	DSN	CTCP Công viên nước Đầm Sen	50,700	47,850	HOSE
60	DST	CTCP Đầu tư Sao Thăng Long	10,500	8,700	HNX
61	DTD	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	23,000	13,300	HNX
62	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	15,820	13,500	HNX
63	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	19,300	13,200	HOSE
64	EID	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	29,600	22,800	HNX
65	ELC	CTCP Công nghệ - Viễn thông Elcom	23,800	14,950	HOSE
66	EVE	CTCP Everpia	13,450	11,050	HOSE
67	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	15,880	15,100	HOSE
68	EVG	CTCP Tập đoàn Everland	8,590	4,940	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
69	FCN	CTCP FECON	17,300	13,600	HOSE
70	FIR	CTCP Địa ốc First Real	3,950	2,770	HOSE
71	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	5,710	2,980	HOSE
72	FMC	CTCP Thực phẩm Sao Ta	49,850	45,450	HOSE
73	FPT	CTCP FPT	92,000	75,700	HOSE
74	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	197,600	183,300	HOSE
75	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	38,150	24,200	HOSE
76	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	103,900	98,900	HOSE
77	GDT	CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành	20,550	20,500	HOSE
78	GEG	CTCP Điện Gia Lai	20,700	15,350	HOSE
79	GIC	CTCP VSC Green Logistics	16,900	14,200	HNX
80	GMX	CTCP Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	22,100	21,800	HNX
81	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	15,530	13,650	HOSE
82	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	43,150	40,650	HOSE
83	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	73,300	63,600	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
84	HAX	CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	13,650	11,000	HOSE
85	HCC	CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX	31,900	31,100	HNX
86	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	10,790	7,930	HOSE
87	HDC	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	24,550	13,450	HOSE
88	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	37,400	19,500	HOSE
89	HGM	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	244,700	153,400	HNX
90	HHS	CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	17,950	11,700	HOSE
91	HHV	CTCP Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	15,950	12,350	HOSE
92	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	16,800	13,000	HNX
93	HLD	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	22,200	15,600	HNX
94	HMC	CTCP Kim Khí TP.Hồ Chí Minh – Vnsteel	15,470	14,100	HOSE
95	HMR	CTCP Đá Hoàng Mai	12,900	11,400	HNX
96	HNA	CTCP Thủy điện Hủa Na	29,900	27,300	HOSE
97	HPA	CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	38,500	34,500	HOSE
98	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa phát	33,340	27,150	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
99	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát	5,600	4,950	HOSE
100	HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	19,650	13,500	HOSE
101	HT1	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	19,650	16,050	HOSE
102	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	55,000	43,700	HOSE
103	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	32,250	24,650	HOSE
104	HTL	CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	28,850	25,600	HOSE
105	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons	9,820	9,300	HOSE
106	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	17,350	13,800	HOSE
107	HUT	CTCP TASCO	21,800	15,900	HNX
108	HVT	CTCP Hóa chất Việt Trì	35,600	30,600	HNX
109	ICT	CTCP Viễn thông – Tin học Bưu điện	23,250	22,300	HOSE
110	IDC	Tổng công ty IDICO - CTCP	56,550	44,100	HNX
111	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	8,840	6,720	HOSE
112	IDV	CTCP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	30,400	27,800	HNX
113	IJC	Công ty CP Phát triển hạ tầng Kỹ thuật	13,800	8,960	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
114	ILB	CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình	27,750	24,700	HOSE
115	IMP	Công ty CP Dược phẩm IMEXPHARM	73,100	47,600	HOSE
116	INN	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	51,100	46,800	HNX
117	IPA	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	21,700	16,100	HNX
118	ITC	CTCP Đầu tư - Kinh doanh nhà	15,150	11,500	HOSE
119	IVS	CTCP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	9,200	8,100	HNX
120	KDH	Công ty CP đầu tư và kinh doanh nhà Khang Điền	23,400	18,400	HOSE
121	KDM	CTCP Tập đoàn GCL	26,100	23,500	HNX
122	KHG	CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	6,430	4,510	HOSE
123	KHP	CTCP Điện lực Khánh Hòa	14,340	12,300	HOSE
124	KHS	CTCP Kiên Hùng	20,500	15,600	HNX
125	KSB	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	20,950	17,150	HOSE
126	KSF	CTCP Tập đoàn Sunshine	115,000	97,400	HNX
127	KTS	CTCP Đường Kon Tum	27,300	26,900	HNX
128	L14	CTCP Licogi 14	31,200	23,700	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
129	L18	CTCP Đầu tư và xây dựng số 18	30,400	15,500	HNX
130	LAS	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	21,700	15,200	HNX
131	LBM	CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	35,000	34,000	HOSE
132	LGL	CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	8,120	5,580	HOSE
133	LHG	CTCP Long Hậu	36,900	33,850	HOSE
134	LIG	CTCP LICOGI 13	5,100	2,900	HNX
135	LIX	CTCP Bột giặt LIX	43,400	32,350	HOSE
136	LPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam	60,450	49,400	HOSE
137	LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn	11,000	10,200	HOSE
138	MAC	CTCP Tập đoàn Macstar	17,000	13,400	HNX
139	MBS	CTCP Chứng khoán MB	25,600	19,600	HNX
140	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm	9,700	9,600	HNX
141	MDC	CTCP Than Mông Dương - Vinacomin	13,200	10,700	HNX
142	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội	25,220	20,150	HOSE
143	MSH	CTCP May Sông Hồng	45,760	40,900	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
144	MSN	CTCP Tập đoàn MaSan	99,060	92,800	HOSE
145	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	106,500	96,100	HOSE
146	NAF	CTCP Nafoods Group	64,900	62,400	HOSE
147	NAG	CTCP Tập đoàn Nagakawa	9,400	8,500	HNX
148	NBC	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	13,000	10,800	HNX
149	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	118,800	108,000	HOSE
150	NDN	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	13,300	9,800	HNX
151	NET	CTCP Bột giặt NET	87,800	75,000	HNX
152	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	17,350	7,120	HOSE
153	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	13,450	12,750	HOSE
154	NHT	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	18,500	14,900	HOSE
155	NKG	CTCP Thép Nam Kim	18,400	13,500	HOSE
156	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	28,350	27,950	HOSE
157	NO1	CTCP Tập đoàn 911	7,280	4,200	HOSE
158	NSH	CTCP Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi	6,700	5,200	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
159	NST	CTCP Ngân Sơn	16,520	14,800	HNX
160	NT2	CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	35,000	30,300	HOSE
161	NTL	CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm	21,200	15,600	HOSE
162	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	73,800	69,200	HNX
163	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	16,350	13,050	HOSE
164	PAC	CTCP PinẮc quy miền Nam	32,100	19,000	HOSE
165	PAN	CTCP Tập đoàn PAN	41,450	23,650	HOSE
166	PCE	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	25,600	23,000	HNX
167	PDN	CTCP Cảng Đồng Nai	141,300	108,000	HOSE
168	PDV	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	11,450	11,050	HOSE
169	PGD	Công ty CP Phân phối khí Thấp áp dầu khí Việt Nam	31,050	27,050	HOSE
170	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP	31,200	26,850	HOSE
171	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings	6,320	4,640	HOSE
172	PHR	CTCP Cao su Phước Hòa	80,600	41,600	HOSE
173	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	29,900	24,600	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
174	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,700	45,550	HOSE
175	PMB	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	14,000	12,200	HNX
176	POW	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	16,900	15,850	HOSE
177	PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	14,360	11,300	HOSE
178	PSD	CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	23,010	21,500	HNX
179	PSI	CTCP Chứng khoán Dầu Khí	10,400	10,100	HNX
180	PSW	CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	10,500	9,500	HNX
181	PTI	Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	38,700	24,100	HNX
182	PVB	CTCP bọc ống dầu khí Việt Nam	37,600	26,700	HNX
183	PVC	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	21,700	14,800	HNX
184	PVG	CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam	9,600	7,800	HNX
185	PVI	CTCP PVI	102,100	80,600	HNX
186	PVP	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	30,800	29,100	HOSE
187	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	49,700	40,800	HNX
188	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	40,000	37,850	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
189	RAL	CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng đồng	113,400	94,400	HOSE
190	REE	CTCP Cơ điện lạnh	86,970	58,400	HOSE
191	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	59,000	55,900	HOSE
192	SAV	CTCP Hợp tác Kinh tế & XNK SAVIMEX	20,450	16,400	HOSE
193	SBA	CTCP Sông Ba	37,050	32,050	HOSE
194	SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	6,020	5,330	HOSE
195	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	70,500	52,100	HOSE
196	SD5	CTCP Sông Đà 5	9,900	9,000	HNX
197	SD9	CTCP Sông Đà 9	14,900	13,500	HNX
198	SED	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	23,800	19,400	HNX
199	SFG	CTCP Phân bón Miền Nam	13,520	12,850	HOSE
200	SGC	CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang	141,200	136,500	HNX
201	SGN	CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn	67,700	66,600	HOSE
202	SGR	CTCP Tổng CTCP Địa Ốc Sài Gòn	20,500	13,000	HOSE
203	SGT	CTCP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	20,350	12,900	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
204	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	5,200	5,200	HOSE
205	SHP	CTCP Thủy điện Miền Nam	44,800	40,800	HOSE
206	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	24,200	16,000	HNX
207	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	66,400	62,800	HOSE
208	SJD	CTCP Thủy điện Cần Đơn	18,720	18,150	HOSE
209	SJE	CTCP Sông Đà 11	21,100	13,700	HNX
210	SKG	CTCP Tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang	9,970	9,490	HOSE
211	SLS	CTCP Mía đường Sơn La	208,700	198,400	HNX
212	SRC	CTCP Cao su Sao vàng	55,000	44,000	HOSE
213	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	38,180	25,300	HOSE
214	STB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	86,500	81,600	HOSE
215	SVC	CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	23,650	15,800	HOSE
216	SVT	CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	14,650	11,550	HOSE
217	SZB	CTCP Sonadezi Long Bình	56,600	56,200	HNX
218	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	37,250	22,600	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
219	SZL	Công ty CP Sonadezi Long Thành	62,400	36,900	HOSE
220	TA9	CTCP Xây lắp Thành An 96	15,000	13,700	HNX
221	TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	45,250	40,950	HOSE
222	TCL	CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	43,810	37,200	HOSE
223	TCM	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	21,450	19,100	HOSE
224	TCT	CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	23,150	22,950	HOSE
225	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	65,500	35,900	HOSE
226	TDC	Công ty CP kinh doanh và phát triển Bình Dương	9,820	8,410	HOSE
227	TDG	CTCP Đầu tư TDG Global	4,120	2,160	HOSE
228	TDT	CTCP Đầu tư và Phát triển TDT	8,800	8,200	HNX
229	THG	CTCP đầu tư và xây dựng Tiền Giang	57,700	34,850	HOSE
230	THT	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin	11,300	9,200	HNX
231	TIG	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	7,500	5,400	HNX
232	TIP	CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	23,850	20,750	HOSE
233	TN1	CTCP ROX Key Holdings	20,670	15,200	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
234	TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	27,100	23,100	HNX
235	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam	6,670	4,100	HOSE
236	TRA	CTCP TRAPHACO	105,200	45,500	HOSE
237	TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	93,600	31,550	HOSE
238	TSA	CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	17,800	15,850	HOSE
239	TSB	CTCP Ấc quy Tia Sáng	25,600	17,100	HNX
240	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2	47,900	32,650	HOSE
241	TV4	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4	17,800	15,600	HNX
242	TVB	CTCP Chứng khoán Trí Việt	10,000	8,020	HOSE
243	TVS	Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt	18,200	17,300	HOSE
244	TVT	Tổng công ty Việt Thắng - CTCP	20,280	19,500	HOSE
245	TYA	CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	23,450	21,900	HOSE
246	VC6	CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons	33,500	16,500	HNX
247	VC7	CTCP Tập đoàn BGI	10,800	8,700	HNX
248	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	78,300	74,000	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
249	VCC	CTCP Vinaconex 25	13,600	12,100	HNX
250	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam	28,950	19,700	HOSE
251	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	37,700	24,650	HOSE
252	VCK	VPS	43,950	35,900	HOSE
253	VDP	CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	65,000	42,000	HOSE
254	VDS	CTCP chứng khoán Rồng Việt	19,950	12,850	HOSE
255	VFG	CTCP Khử trùng Việt Nam	65,100	54,000	HOSE
256	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	59,700	56,400	HOSE
257	VGS	CTCP ống thép Việt Đức VG PIPE	31,600	21,700	HNX
258	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	77,480	65,800	HOSE
259	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	22,550	18,000	HOSE
260	VIF	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	20,600	19,800	HNX
261	VIP	CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco	15,350	12,750	HOSE
262	VNC	CTCP Tập đoàn Vinacontrol	45,500	44,700	HNX
263	VNF	CTCP VINAFREIGHT	19,800	16,800	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
264	VNL	CTCP Logistics Vinalink	26,130	24,550	HOSE
265	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	81,400	75,100	HOSE
266	VNR	Tổng CTCP Tái bảo hiểm quốc gia Việt nam	26,900	23,300	HNX
267	VOS	CTCP Vận tải Biển Việt Nam	14,950	14,800	HOSE
268	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	30,750	27,100	HOSE
269	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	11,650	10,700	HOSE
270	VPX	CTCP Chứng khoán VPBank	35,250	29,900	HOSE
271	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	15,710	11,750	HOSE
272	VSA	CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam	25,500	23,500	HNX
273	VSC	CTCP Container Việt Nam	17,150	16,900	HOSE
274	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn -Sông Hinh	56,200	53,300	HOSE
275	VSI	CTCP đầu tư và xây dựng cấp thoát nước	31,000	24,100	HOSE
276	VTO	CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco	15,600	14,650	HOSE
277	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	97,200	60,700	HOSE
278	VTZ	CTCP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	26,700	26,400	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
279	WSS	CTCP Chứng khoán Phố Wall	8,700	7,700	HNX

2. Thời gian áp dụng

- Từ ngày 21/10/2026: Áp dụng giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa mới

Trân trọng.